

# Xin Chào Việt Nam

## Biến động thị trường

|                   | 09/08    | 1 ngày | 1T  | 3T    | YTD    |
|-------------------|----------|--------|-----|-------|--------|
| VNIndex (điểm, %) | 1,258.85 | 0.2    | 7.5 | (2.7) | (16.0) |
| GTGD (tỷ đồng)    | 15,951   |        |     |       |        |
| VN30 (điểm, %)    | 1,281.44 | 0.4    | 4.1 | (4.8) | (16.6) |

## Các chỉ số

|                    | 09/08  | 1 ngày | 1T    | 3T    | YTD   |
|--------------------|--------|--------|-------|-------|-------|
| TPCP 1 năm (% đcb) | 2.75   | 0.0    | 0.9   | 0.9   | 2.2   |
| TPCP 3 năm (% đcb) | 3.02   | 0.1    | 0.7   | 0.9   | 2.4   |
| VND/USD (%)        | 23,390 | 0.0    | (0.2) | (1.9) | (2.4) |
| VND/JPY (%)        | 17,301 | 0.3    | (1.6) | 2.0   | 14.5  |
| VND/EUR (%)        | 23,885 | 0.2    | (1.2) | 1.4   | 8.4   |
| VND/CNY (%)        | 3,464  | 0.0    | 0.5   | (1.4) | 3.7   |

  

|                        | Phiên trước | 1 ngày | 1 tuần | 1T    | YTD  |
|------------------------|-------------|--------|--------|-------|------|
| TPKB Mỹ 10 năm (% đcb) | 2.79        | 0.0    | (0.3)  | (0.2) | 1.3  |
| WTI (USD/thùng, %)     | 90.24       | (0.3)  | (13.9) | (9.5) | 20.0 |
| Vàng (USD/oz, %)       | 96.12       | (0.2)  | (10.2) | (6.2) | 23.6 |

## Giao dịch NĐT tổ chức trong nước

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| SHB      | 114.8     | FPT      | (40.8)    |
| VNM      | 23.8      | HPG      | (39.8)    |
| FUEVFNVD | 21.6      | FUESSVFL | (23.5)    |
| VND      | 19.2      | MWG      | (21.7)    |
| TCD      | 18.4      | VIC      | (20.1)    |

## Giao dịch khối ngoại

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| HDB      | 46.9      | HPG      | (98.8)    |
| SSI      | 36.0      | VHM      | (23.3)    |
| NLG      | 29.1      | VNM      | (23.3)    |
| FUESSVFL | 23.4      | DXG      | (22.7)    |
| HDG      | 17.1      | LHG      | (22.5)    |

## Biến động theo ngành

| Top 5 ngành tăng   | %   | Top 5 ngành giảm     | %     |
|--------------------|-----|----------------------|-------|
| Dịch vụ viễn thông | 2.0 | Phần cứng & thiết bị | (1.7) |
| Vật liệu           | 1.2 | Năng lượng           | (0.7) |
| Tài chính khác     | 1.1 | Ngân hàng            | (0.3) |
| Dịch vụ thương mại | 0.9 | Hàng hóa cá nhân     | (0.2) |
| Thiết bị & DV y tế | 0.8 | Dịch vụ tiêu dùng    | (0.2) |

## CÓ GÌ HÔM NAY?

### Nhận định thị trường & Tin tức

- Nhận định thị trường:** Mẫu hình Bearish spinning top?

### Vĩ mô & Chiến lược

- Covered warrant:** Hoạt động giao dịch tập trung trên CW HPG và STB

### Lịch sự kiện

## KIS ước tính lợi nhuận doanh nghiệp

|       | LNHĐ<br>(Tỷ đồng) | LN ròng<br>(Tỷ đồng) | Tăng EPS<br>(% n/n) | PE<br>(x) | PB<br>(x) | EV/EBITDA<br>(x) | ROE<br>(%) |
|-------|-------------------|----------------------|---------------------|-----------|-----------|------------------|------------|
| 2018  | 191,785           | 119,519              | 29.7                | 15.2      | 2.7       | 13.6             | 17.7       |
| 2019  | 238,659           | 144,922              | 24.2                | 13.8      | 2.4       | 11.0             | 17.4       |
| 2020  | 270,014           | 151,973              | 41.3                | 13.3      | 2.1       | 11.1             | 16.2       |
| 2021F | 304,264           | 177,159              | 19.2                | 11.1      | 1.8       | 9.9              | 16.5       |

Lưu ý: Dữ liệu tính toán của KIS bao gồm 35 công ty, chiếm 58% lợi nhuận của tổng số doanh nghiệp niêm yết (VN Index) dựa trên mức thu nhập trung bình 3 năm qua

## KIS ước tính chỉ báo vĩ mô Việt Nam

|                             | 2Q21   | 3Q21   | 4Q21   | 1Q22F  | 2020   | 2021   | 2022F  |
|-----------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| GDP (% n/n)                 | 6.6    | (6.0)  | 5.2    | 6.0    | 2.9    | 2.6    | 7.5    |
| Cán cân thương mại (tỷ USD) | (3.8)  | (1.0)  | 5.4    | 1.5    | 19.9   | 4.0    | 6.0    |
| CPI (% n/n, TB)             | 2.7    | 2.5    | 1.9    | 2.5    | 3.2    | 1.8    | 3.5    |
| LS chiết khấu (% cuối kỳ)   | 2.5    | 2.5    | 2.5    | 2.5    | 2.5    | 2.5    | 2.5    |
| VND/USD (tb)                | 23,043 | 22,878 | 22,787 | 22,900 | 23,252 | 22,936 | 23,200 |
| GDP Mỹ (% n/n)              | 6.6    | 2.0    | 6.9    | 1.1    | 5.7    | 5.7    | 2.0    |
| GDP Trung Quốc (% n/n)      | 7.9    | 4.9    | 2.9    | 4.3    | 8.1    | 8.1    | 3.9    |

Nguồn: KIS, Bloomberg

## Nhận định thị trường & Tin tức

### Nhận định thị trường

#### Mẫu hình Bearish spinning top?

Hiếu Trần  
hie.u.t.m@kisvn.vn

Thị trường chứng khoán duy trì xu hướng tăng, tuy nhiên xu hướng tăng kể từ tháng 7 đang chững lại do áp lực chốt lời.

Đóng cửa, VNIndex tăng 0.17% lên 1,258 điểm. Trong khi đó, khối lượng giao dịch là 688 triệu cổ phiếu / 15,950 tỷ đồng, giảm tương ứng 3,7% / 4,1% so với mức trung bình của tuần trước.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị 70 tỷ đồng trên HSX. Họ bán ra nhiều nhất HPG, VHM và VNM với giá trị ròng lần lượt là 98 tỷ đồng, 23 tỷ đồng và 23 tỷ đồng.

Bất động sản dẫn dắt thị trường với tâm điểm là CEO (+1.16%), DIG (+0.49%), DXG (+0.75%), NLG (+2.61%), NVL (+1.83%) và VIC (+1.08%).

Dòng tiền đổ vào Chứng khoán nhờ SSI (+0.61%), VCI (+2.61%), VDS (+0.75%) và VND (+1.81%).

Ngược lại, nhóm Ngân hàng đóng cửa trong sắc đỏ do BID (-0.39%), CTG (-0.69%), STB (-0.20%), TCB (-0.13%), VCB (-1.46%) và VIB (-0.38%).

Chỉ số VNindex đã hình thành một mẫu hình điều chỉnh, gần giống như Mẫu hình Bearish Spinning Top. Điều đó có nghĩa là chỉ số có thể đi ngang hoặc điều chỉnh trong một vài phiên tới. Tuy nhiên, xu hướng tăng kể từ tháng 7 vẫn còn nguyên vẹn. Do đó, nhà đầu tư có thể nắm giữ cổ phiếu trong danh mục và tập trung vào các cổ phiếu dẫn dắt.

## Vĩ mô & Chiến lược

### Covered warrant

#### Hoạt động giao dịch tập trung trên CW HPG và STB

Đăng Lê  
Dang.lh@kisvn.vn

##### ► Thống kê thị trường

Trong tuần trước, hoạt động giao dịch giảm nhẹ trên thị trường chứng quyền. Cụ thể, khối lượng giao dịch ghi nhận ở mức 145 triệu chứng quyền, xấp xỉ 75 tỷ đồng. Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, chứng quyền có tài sản cơ sở là HPG thu hút phần lớn hoạt động giao dịch, tiếp đến là STB và POW. Với mã chứng quyền, CHPG2215 (19%) ghi nhận hoạt động giao dịch lớn nhất, tiếp đến là CSTB2212 (-2.5%) và CHPG2213 (6.6%).

##### ► Hoạt động giao dịch khối ngoại

Với hoạt động giao dịch khối ngoại, hoạt động bán tiếp tục chiếm ưu thế. Giá trị bán ròng ghi nhận ở 2 tỷ đồng. Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, khối ngoại tập trung vào những mã chứng quyền có tài sản cơ sở là STB, tiếp đến là HPG và TPB.

Với mã chứng quyền, CHPG2212 (25%), CHPG2214 (35.7%), và CSTB2211 (6.3%) thu hút phần lớn lực cầu ngoại trong khi áp lực bán tập trung chủ yếu trên CHPG2215 (19%), CSTB2215 (5.9%), và CKDH2209 (0.7%).

## Lịch sự kiện

### ► Đấu giá cổ phần

(Tỷ đồng, cổ phiếu, đồng)

| Ngày đấu giá | Mã  | Công ty                        | Vốn điều lệ | SLCP bán   | Giá khởi điểm   | Ghi chú       |
|--------------|-----|--------------------------------|-------------|------------|-----------------|---------------|
| 10/08/22     | TTL | Tổng Công ty Thăng Long - CTCP | 419.1       | 10,500,000 | 194,565,000,000 | Đấu giá cả lô |

### ► Lịch sự kiện

| Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Mã  | Sàn   | Nội dung sự kiện                    | Tỷ lệ thực hiện | Giá trị (tỷ đồng) |
|------------|----------------|-----|-------|-------------------------------------|-----------------|-------------------|
| 10/08/2022 |                | DIG | HOSE  | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 10/08/2022 |                | HLG | UPCOM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 10/08/2022 | 06/09/2022     | MDF | UPCOM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 10/08/2022 |                | SDK | UPCOM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 10/08/2022 |                | TDH | HOSE  | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 10/08/2022 |                | VGC | HOSE  | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 11/08/2022 | 22/08/2022     | FHS | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (600/cp)   | 6.00%           | 600               |
| 11/08/2022 | 12/09/2022     | HNA | UPCOM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 11/08/2022 | 30/09/2022     | MNB | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00%          | 1,000             |
| 11/08/2022 | 09/09/2022     | MNB | UPCOM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 11/08/2022 | 25/08/2022     | QNW | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (218/cp)   | 2.18%           | 218               |
| 11/08/2022 | 25/08/2022     | QNW | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (124/cp)   | 1.24%           | 124               |
| 12/08/2022 | 26/08/2022     | GIL | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00%          | 1,000             |
| 12/08/2022 |                | ITS | UPCOM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 12/08/2022 | 08/09/2022     | MTV | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00%          | 1,000             |
| 12/08/2022 | 31/08/2022     | NDX | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (450/cp)   | 4.50%           | 450               |
| 12/08/2022 |                | NVL | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |                   |
| 12/08/2022 | 15/09/2022     | PCE | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (2500/cp)  | 25.00%          | 2,500             |
| 12/08/2022 |                | PTL | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |                   |
| 12/08/2022 |                | ROS | HOSE  | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 12/08/2022 |                | TID | UPCOM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |                   |
| 12/08/2022 | 30/08/2022     | TID | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00%          | 1,000             |
| 12/08/2022 |                | VC9 | HNX   | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |                   |
| 12/08/2022 |                | VLA | HNX   | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 12/08/2022 | 06/09/2022     | VLP | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)   | 5.00%           | 500               |

- **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**
  - MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
  - Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
  - Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
  - CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.
- **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**
  - Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
  - Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
  - Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2022 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.